

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 13 - 08 - 2020

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Giang** và bà **Đinh Thanh Hoàn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thanh Huệ**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa: Bà **Tạ Thị Huyền**, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/HPT-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Bá Thị L**, sinh năm: 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 6, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện nay: Khu 8, phường Hải Hòa, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có lý do.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Tuấn K**, sinh năm: 1988.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 6, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2020, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm thể hiện tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị Bá Thị L thể hiện:

Chị và anh Nguyễn Tuấn K chung sống với nhau từ tháng 6/2011, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/7/2011 tại UBND phường H, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2011 - Quyển số 01/2009. Sau khi kết hôn, chị và anh K chung sống hạnh phúc được khoảng 04 (bốn) năm

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên năm 2015 chị đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh K nhưng thời điểm đó con còn nhỏ nên chị nghĩ thương con mong cho con có gia đình trọn vẹn và được Tòa án hòa giải nên chị đã rút đơn về đoàn tụ nhưng chỉ được thời gian ngắn vì mọi việc không thay đổi, cả hai tiếp tục không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh K chính thức ly thân từ giữa năm 2018. Nay, chị thấy cơ hội đoàn tụ không còn, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Tuấn K.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Tuấn K có 02 (hai) con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 20/01/2012 và Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 12/5/2014. Chị yêu cầu giao con chung Nguyễn Hà M cho chị trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Tuấn D cho anh K trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có tài sản chung.

- Về khoản nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2020 và lời khai trong các biên bản hòa giải của bị đơn anh Nguyễn Tuấn K thể hiện nội dung sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm và nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm ly thân như chị Bá Thị L trình bày là đúng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh đến nay đã rất trầm trọng, đã ly thân một thời gian dài hàng năm nay nên anh nghĩ mâu thuẫn không thể hàn gắn. Nay, anh đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Bá Thị L.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 (hai) con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 20/01/2012 và Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 12/5/2014. Anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, khoản nợ chung: Anh đồng ý với các nội dung như chị Bá Thị L trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án chị L đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (01 bản chính); Sổ hộ khẩu (01 bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (02 bản sao); Giấy khai sinh (02 bản sao); Biên bản giao nhận (01 bản chính); Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (01 bản chính); Đơn xin xác nhận (01 bản chính).

Chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh tại UBND phường Hải Hòa; biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Hà M.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng qui định của pháp luật;

+ Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bá Thị L

+ Về tình cảm: Xử cho chị Bá Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tuấn K.

+ Về con chung: Giao cho chị Bá Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Hà M, sinh ngày 20/01/2012 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; giao cho anh Nguyễn Tuấn K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 12/05/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Việc cấp dưỡng nuôi con chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định không có, nên không xét.

+ Về khoản nợ chung: Các đương sự đều xác nhận không có, nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh tụng, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bá Thị L và anh Nguyễn Tuấn K là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh K nên thuộc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; bị đơn anh Nguyễn Tuấn K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 6, phường H, thành phố M nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Trước khi nộp đơn khởi kiện, chị L đã thực hiện việc gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho anh K thể hiện tại biên bản giao nhận bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ ngày 28/4/2020.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự được Tòa án tiến hành đầy đủ thủ tục tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Ngày 10/7/2020, anh K đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập số 13 ngày 10/7/2020. Tại phiên tòa ngày 28/7/2020, chị L có mặt, anh K vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã căn cứ Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật Tố tụng dân sự hoãn phiên tòa và tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập cho nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 13/8/2020, chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh K vắng mặt không có lý do.

Do đó, việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đảm bảo đúng qui định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Bá Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Bá Thị L và anh Nguyễn Tuấn K là hôn nhân hợp pháp. Chị L và anh K đều thừa nhận do mâu thuẫn nên năm 2015 đã từng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng sau đó được Tòa án hòa giải nên đã rút đơn về đoàn tụ. Mặc dù vậy, mâu thuẫn không được giải quyết nên tháng 6/2018, chị L và anh K chính thức ly thân đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết, tại các buổi hòa giải, anh K và chị L thuận tình ly hôn nhưng tại phiên tòa các đương sự đều không có mặt nên không công nhận sự thỏa thuận về nội dung này mà chỉ ghi nhận làm cơ sở giải quyết.

Ngoài ra, biên bản xác minh ngày 24/6/2020 tại địa phương thể hiện: mâu thuẫn của gia đình chị L và anh K đã trầm trọng, thực tế đời sống chung không còn nên đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của nguyên đơn để giải quyết theo thẩm quyền.

Từ những nội dung trên có cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh K.

- Về con chung: Chị L và anh K có 02 con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 20/01/2012 và Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 12/5/2014.

Chị L yêu cầu được nuôi con gái Nguyễn Hà M, anh K nuôi con trai Nguyễn Tuấn D đến tuổi thành niên.

Anh K yêu cầu được nuôi cả hai con chung.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: điều kiện để đảm bảo nuôi con của hai anh chị đều tương đương nhau. Vì vậy, cần xét đến nguyện vọng của con chung nếu con chung đã đủ 07 tuổi trở lên và cần xem xét đến việc cháu lớn là con gái đã 08 tuổi, rất cần sự chăm sóc, dạy dỗ con về giáo dục giới tính nên Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích của phụ nữ và trẻ em.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Hà M thể hiện: Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ cháu là Bá Thị L.

Từ đó, có cơ sở chấp nhận: Giao con chung Nguyễn Hà M, sinh ngày 20/01/2012 cho chị Bá Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đến đủ 18 tuổi; giao con chung Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 12/05/2014 cho anh Nguyễn Tuấn K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, quá trình giải quyết vụ án chị L và anh K đều không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Chị L và anh K đều xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đồng thời anh chị Kiên Liên đều thừa nhận anh chị không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: Đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc nguyên đơn chị Bá Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

[5]. Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn và nuôi con chung là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bá Thị L về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Bá Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tuấn K.

2. *Về con chung:* Giao con chung Nguyễn Hà M, sinh ngày 20 tháng 01 năm 2012 cho chị Bá Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung Nguyễn Tuấn D, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2014 cho anh Nguyễn Tuấn K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; Trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. *Về nghĩa vụ chịu án phí:* Buộc chị Bá Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000224 ngày 14/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Móng Cái. Chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn chị Bá Thị L và bị đơn anh Nguyễn Tuấn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- UBND phường Hải Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Dương Thị Thu Hà